TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01724

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 12-13

Môn Học : Định giá đất đai (209210) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 11/06/13 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD401 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (40 %)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10135103	NGUYỄN THỊ THANH	THÚY	DH10TB	2			9.0	8	8,4	8	4
2	10135104	NGUYỄN HOÀI	THƯ	DH10TB	1			8.0	4	5,6	5	6
3	10333111	LÊ THỊ CẨM	TIÊN	CD10CQ	1			7.0	4	5,2	5	2
4	10124203	NGUYỄN THỊ THỦY	TIÊN	DH10QL	1			8.0	5	6,2	6	2
5	10333081	MAI PHƯỚC	TỈNH	CD10CQ	1			7.0	4	5,2	5	2
6	10333091	ĐINH THỊ THÚY	TRANG	CD10CQ	1			8.0	4,5	5,9	5	9
7	10124215	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	DH10QL	2			9.0	8,5	8,7	8	7
8	10124218	TRẦN THỊ THANH	TRANG	DH10QL	1			8.0	6	6,8	6	8
9	10135122	NGUYỄN THỊ THANH	TRÂM	DH10TB	1			9.0	8,5	8,7	8	7
10	10124220	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	TRÂM	DH10QL	2			8.0	7	7,4	7	4
11	10135124	ĐẶNG CÔNG	TRÍ	DH10TB	1			9.0	8	8,4	8	4
12	10333090	TRẦN MINH	TRÍ	CD10CQ	1			8.0	1	3,8	3	8
13	10124222	TRẦN BẢO	TRIỂN	DH10QL	1			8.0	6	6,8	6	8
14	10333109	NGUYỄN ANH	TRIỆU	CD10CQ	1			7.0	7	7,0	7	0
15	10333051	ĐẶNG THỊ HUỲNH LỆ	TRINH	CD10CQ	1			9.0	7	7,8	7	8
16	10124224	LÊ THỊ ÁI	TRINH	DH10QL	2			8.0	8	8,0	8	0
17	10124229	LÊ THỊ ANH	TRÚT	DH10QL	2			9.0	8,5	8,7	8	7
18	10333103	NGUYỄN PHẠM XUÂN	TRƯỜNG	CD10CQ	1			9.0	2,5	5,1	5	1

Số bài: 29 ; Số tờ: 37

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn Ngọc Hạnh

Trương Đỗ Thùy Linh

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01724

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 12-13

Môn Học : Định giá đất đai (209210) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 11/06/13 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD401 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 002 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (40%)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10124231	TIÊU VIẾT	TRƯỜNG	DH10QL	1			9.0	5	6,6	6	6
20	10333104	NGUYỄN ANH	TUẤN	CD10CQ	1			7.0	2,5	4,3	4	3
21	10124235	VŨ TRẦN ANH	TUẤN	DH10QL	1			8.0	4	5,6	5	6
22	10124237	NGUYỄN THỊ BÍCH	TUYỀN	DH10QL	1			8.0	5,5	6,5	6	5
23	10124243	NGUYỄN MẠNH	TƯỜNG	DH10QL	1			9.0	4	6,0	6	0
24	10124244	HUỲNH VĂN	TƯỢNG	DH10QL	1			8.0	7,5	7,7	7	7
25	10135135	HOÀNG THỊ THẢO	UYÊN	DH10TB	2			8.0	7	7,4	7	4
~~26~~	~~10135136~~	~~TRẦN NHƯ~~	~~UYÊN~~	~~DH10TB~~								
27	10135137	TRƯƠNG QUỲNH	UYÊN	DH10TB	1			7.0	6,5	6,7	6	7
28	10135138	LÊ ANH	VĂN	DH10TB	1			8.0	4	5,6	5	6
29	10124256	NGUYỄN THỊ HẢI	YẾN	DH10QL	2			8.0	8,5	8,3	8	3
30	10124257	NGUYỄN THỊ KIM	YẾN	DH10QL	2			8.0	7	7,4	7	4

Số bài: 29 ; Số tờ: 37

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Nguyễn Ngọc Hạnh

Trương Đỗ Thùy Linh

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01723

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 12-13

Môn Học : Định giá đất đai (209210) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 11/06/13 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD200 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (40 %)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	10124011	HUỲNH THÚY	ÁI	DH10QL	1			8.0	5,0	6,2	6	2
2	10124012	NGUYỄN THỊ XUÂN	ÁI	DH10QL	1			8.0	6,0	6,8	6	8
3	10124005	LÊ NGỌC	ANH	DH10QL	2			8.0	5,0	6,2	6	2
4	10124010	VŨ TUẤN	ANH	DH10QL	2			8.0	4,0	5,6	5	6
5	10333040	HOÀNG XUÂN	BÁCH	CD10CQ	1			7.0	2,0	4,0	4	0
6	10135005	PHẠM GIA	BẢO	DH10TB	1			9.0	3,0	5,4	5	4
7	10124018	NGÔ THỊ KIM	BÌNH	DH10QL	1			8.0	7,0	7,4	7	4
8	10135008	HỒ VĂN	CHUNG	DH10TB	1			8.0	4,0	5,6	5	6
9	10333118	LÝ THỊ THU	DIỄM	CD10CQ	1			8.0	6,0	6,8	6	8
10	10124023	VŨ HOÀNG	DIỄM	DH10QL	1			8.0	6,0	6,8	6	8
11	10124025	CÙ THANH	DUNG	DH10QL	1			9.0	1,5	4,5	4	5
12	09124010	NGUYỄN SỸ	DŨNG	DH09QL	1			8.0	4,0	5,6	5	6
13	10124027	BÙI QUANG	DUY	DH10QL	1			9.0	5,0	6,6	6	6
14	10124028	NGUYỄN ĐỨC	DUY	DH10QL	1			8.0	2,0	4,4	4	4
15	10124031	NGUYỄN THỊ KIM	DUYÊN	DH10QL	1			8.0	5,0	6,2	6	2
16	10333023	NGUYỄN THANH	ĐIỀN	CD10CQ	1			9.0	2,0	4,8	4	8
17	10135020	ĐẶNG THỊ TRÚC	GIANG	DH10TB	1			8.0	6,0	6,8	6	8
18	10135021	HOÀNG THỊ THANH	GIANG	DH10TB	1			8.0	2,0	4,4	4	4

Số bài: 28 ; Số tờ: 94

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Trần Thị Việt Hoà

Cấn Kim Dũng

Dương Thị Hương Giang

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01723

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 12-13

Môn Học : Định giá đất đai (209210) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 11/06/13 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD200 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (40 %)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
19	10135022	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	DH10TB	1	Hà		8,0	4,0	5,6	5	6
20	10124046	TRẦN MỸ	HẠNH	DH10QL	1	Hạnh		9,0	5,5	6,9	6	9
21	10124048	NGUYỄN THỊ NGỌC	HẰNG	DH10QL	1	Ngọc		8,0	3,0	5,0	5	0
22	10124051	TRẦN VŨ	HẬN	DH10QL	1	Hận		9,0	3,0	5,4	5	4
23	10135032	PHẠM THỊ HOA	HẬU	DH10TB	1	Hậu		8,0	4,0	5,6	5	6
24	10124052	LÊ THỊ THU	HIỀN	DH10QL	1	Thu		8,0	5,0	6,2	6	2
25	10124054	PHAN THỊ THÚY	HIỀN	DH10QL	2	Thúy		8,0	6,0	6,8	6	8
26	10333123	NGUYỄN CHÍ	HIẾU	CD10CQ	1	Hiếu		9,0	6,0	7,2	7	2
27	10135034	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	HIẾU	DH10TB	1	Phương		8,0	6,0	6,8	6	8
28	10124057	LÊ THỊ	HOA	DH10QL	2	Hoa		8,0	6,0	6,8	6	8
29	10124060	HUỲNH CHÍ	HOÀNG	DH10QL	1	Chí		8,0	6,5	7,1	7	1
30	10124070	TRẦN MẠNH	HÙNG	DH10QL	1	Hùng		8,0	6,0	6,8	6	8
31	11333178	HÀ NHƯ	HUYỀN	CD11CQ	1	Huyền		8,0	3,0	5,0	5	0
32	10124067	TRẦN ĐẶNG NGỌC	HUYỀN	DH10QL	1	Huyền		9,0	6,0	7,2	7	2
33	10135046	NGUYỄN THỊ THU	HƯƠNG	DH10TB	1	Hương		9,0	9,0	9,0	9	0
34	10124084	NGUYỄN LÊ THANH	LAM	DH10QL	2	Thanh		9,0	8,0	8,4	8	4
35	09124044	NGÔ TRƯỜNG	LÂM	DH09QL	1	Lâm		8,0	4,0	5,6	5	6
36	10124085	NGUYỄN THỊ MỸ	LỆ	DH10QL	1	Lệ		8,0	4,5	5,9	5	9

Số bài: 28 ; Số tờ: 34

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Trần Thị Việt Hoa

Cán Kim Dung

Dương Thị Hương Giang

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(*Quản lý môn học*)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01723

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 12-13

Môn Học : Định giá đất đai (209210) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 11/06/13 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD200 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (40 %)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
37	10124088	NGÔ THỊ BÍCH	LIÊN	DH10QL	1			9.0	6,0	7,2	7	2
38	10135053	PHẠM THỊ	LIÊN	DH10TB	1			9.0	8,0	8,4	8	4
39	10124091	ĐẶNG THỊ	LINH	DH10QL	1			8.0	6,0	6,8	6	8
40	10333049	NGUYỄN THỊ TRÚC	LINH	CD10CQ	1			0	2,0	1,2	1	2
41	10124107	LÊ THỊ	LỤA	DH10QL	1			8.0	8,0	8,0	8	0
42	10333053	NGUYỄN CÔNG	LỰC	CD10CQ	1			9.0	3,0	5,4	5	4
43	10124108	HỒ THỊ LY	LY	DH10QL	1			9.0	7,0	7,8	7	8
44	10135059	TRẦN THỊ NGỌC	MAI	DH10TB	1			8.0	8,0	8,0	8	0
45	10124111	VÕ ĐỨC	MẾN	DH10QL	2			9.0	7,0	7,8	7	8
46	10333160	LÊ THỊ TRÚC	MƠ	CD10CQ	1			8.0	5,0	6,2	6	2
47	09114134	DANH	NGỌT	CD09CQ	1			8.0	4,0	4,4	4	4
48	10333057	NGUYỄN THỊ BĂNG	NHI	CD10CQ	1			8.0	4,0	5,6	5	6
49	10135077	NGUYỄN THANH HỒNG	NHUNG	DH10TB	1			8.0	6,5	7,1	7	1
50	10135079	HỒ NGỌC	NƯƠNG	DH10TB	1			8.0	3,5	5,3	5	3
51	10333151	HUỲNH THỊ	PHÚ	CD10CQ	1			8.0	1,5	4,1	4	1
52	09124073	NGUYỄN DUY	PHƯƠNG	DH09QL	1			8.0	3,0	5,0	5	0
53	10124157	TRẦN THỊ BÍCH	PHƯỢNG	DH10QL	2			8.0	4,0	5,6	5	6
54	10124158	ĐẶNG HẢI	QUANG	DH10QL	1			8.0	5,0	6,2	6	2

Số bài:...28.....; Số tờ:.....94.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Trần Thị Việt Hòa

Cấn Kim Dũng

Dương Thu Hương Giang

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Mã nhận dạng 01723

Học Kỳ 2 - Năm Học 12-13

Môn Học : Định giá đất đai (209210) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 11/06/13 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD200 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (40 %)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
55	10124159	NGUYỄN THỊ LỆ	QUYÊN	DH10QL	2			8.0	8,0	8,0	8	0
56	10333074	VÕ TRẦN THẢO	QUYÊN	CD10CQ	1			8.0	5,0	6,2	6	2
57	10333137	TRẦN THỊ NHƯ	QUỲNH	CD10CQ	1			9.0	0	3,6	3	6
58	10333149	HUỲNH THANH	SANG	CD10CQ	1			9.0	3,0	5,4	5	4
59	10124162	LÂM THỊ THU	SANG	DH10QL	2			8.0	5,0	6,2	6	2
60	10124165	NGUYỄN VĂN	SƠN	DH10QL	1			9.0	3,0	5,4	5	4
61	10124167	TRẦN ANH	TÀI	DH10QL	2			8.0	7,0	7,4	7	4
62	10124168	LÊ THỊ	TÂM	DH10QL	2			8.0	7,0	7,4	7	4
63	10124170	HỒ MINH	TÂN	DH10QL	1			9.0	1,0	4,2	4	2
64	10124171	NGUYỄN VĂN	TÂN	DH10QL	1			8.0	2,0	4,4	4	4
65	10124175	LÊ HUỲNH	THẢO	DH10QL	2			9.0	6,0	7,2	7	2
66	10124177	LƯU HÀ PHƯƠNG	THẢO	DH10QL	1			8.0	7,0	7,4	7	4
67	10124178	TRẦN THẠCH	THẢO	DH10QL	2			9.0	5,5	6,9	6	9
68	10124179	TRẦN THỊ THU	THẢO	DH10QL	2			8.0	7,0	7,4	7	4
69	10135097	ĐOÀN MINH XUÂN	THI	DH10TB	1			9.0	3,0	5,4	5	4
70	10124185	TRẦN VĂN	THI	DH10QL	1			9.0	5,0	6,6	6	6
71	10333054	ĐINH SỸ	THIẾT	CD10CQ	1			0	2,0	1,2	1	2
72	10124190	TRƯƠNG HỮU	THỌ	DH10QL	1			8.0	5,0	5,0	5	0

Số bài:...78.....; Số tờ:.....94...

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Trần Thị Việt Hoa

Cái Kim Dũng

Dương Thị Hương Giang

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(Quản lý môn học)

Cán bộ chấm thi 1&2

Cái Kim Dũng

Ngày tháng năm

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TPHCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Mã nhận dạng 01723

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 12-13

Môn Học : Định giá đất đai (209210) - Số Tín Chỉ: 2 **Ngày Thi :** 11/06/13 Giờ thi: 07g00 - phút Phòng thi RD200 **Nhóm Thi :** Nhóm 01 - Tổ 001 - Đợt 1

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số tờ	Chữ ký SV	Đ1 (%)	Đ2 (40 %)	Điểm thi (60%)	Điểm tổng kết	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
73	10333153	VÕ VĂN	THỌ	CD10CQ	1			10	2,0	1,2	1	2
74	10124189	HOÀNG THỊ	THOA	DH10QL	2			9,0	6,0	7,2	7	2
75	10124191	TẠ QUỐC	THÔNG	DH10QL	1		a	9,0	5,0	6,6	6	6
76	10124196	ĐẶNG THỊ BÍCH	THỦY	DH10QL	2			9,0	6,0	7,2	7	2
77	10333142	ĐỖ THỊ	THỦY	CD10CQ	1			8,0	1,0	3,8	3	8
78	10124194	NGUYỄN THỊ THU	THỦY	DH10QL	1			7,0	4,5	5,5	5	5

Số bài:...28.....; Số tờ:....94.....

Lưu ý: Đ1, Đ2: Điểm thành phần 1,2;
Điểm thi: Điểm thi cuối kỳ.
Điểm thi, Đ1,Đ2 tính thang điểm 10 và đã nhân trọng số

Cán bộ coi thi 1&2

Trần Thị Việt Hòa

Cán Kim Dũng

Dương Thị Hương Giang

Duyệt của Trưởng Bộ môn
(***Quản lý môn học***)

Cán bộ chấm thi 1&2

Ngày tháng năm